

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN  
Bản án số: 01/2021/DSST  
Ngày: 29/01/2021  
Vụ: T - M

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Mây

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Trọng và ông Nguyễn Văn Mười

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Như Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/DSST ngày 12/10/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T (P), sinh năm 1935 - vắng mặt  
Trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.  
Người đại diện theo uỷ quyền là anh Lưu Sỹ N

Bị đơn: Anh Lưu Sỹ M, sinh năm 1960 - vắng mặt không có lý do  
Trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.  
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1971 - vắng mặt không có lý do  
Trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Lưu Sỹ N, sinh năm 1968 - có mặt  
Trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Lưu Thị D, sinh năm 1965 - có mặt  
Trú tại: Xóm C, xã C, huyện P Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Lưu Thị S, sinh năm 1970 - có mặt  
Trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

**N D VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Chồng tôi là Lưu Sỹ H (đã chết năm 1989), vợ chồng tôi lấy nhau năm 1953 và sinh được 6 người con là:

Lưu Sỹ M sinh năm 1960, trú tại Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Lưu Thị D sinh năm 1965, trú tại xóm C, xã C, huyện Phú Lương.

Lưu Sỹ N sinh năm 1968, trú tại xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Lưu Thị S sinh năm 1970, trú tại xóm Đ, xã K, huyện Đại Từ.

Lưu Sỹ C sinh năm 1974 (đã chết 2012 do tai nạn lao động).

Lưu Sỹ T1 sinh năm 1976 (đã chết 2014).

Khoảng năm 1970 bố chồng tôi mất, vợ chồng tôi đã mua lại phần đất gia đình tôi đang ở hiện nay từ mẹ chồng tôi. Vợ chồng tôi và các con sống trên mảnh đất đó từ khi mua đến năm 1989 thì anh Lưu Sỹ M lấy vợ nên vợ chồng tôi cắt 1/3 diện tích đất cho anh M ra ở riêng. Khoảng cuối năm 1989 thì chồng tôi chết, năm 1993 gia đình tôi được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên tôi và năm 2008 đã được cấp đổi bìa mới.

Trong quá trình sinh sống các con lần lượt lấy chồng, lấy vợ còn con trai Lưu Sỹ T1 chưa lấy vợ nên vẫn ở với tôi nhưng T1 thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Nhà tôi và nhà anh Lưu Sỹ M ở sát nhau, quan hệ giữa tôi và vợ chồng anh M hoàn toàn bình thường. Sau khi T1 chết năm 2014, được 100 ngày thì anh M sang yêu cầu tôi cho anh M 01 cái ao và 02 sào ruộng nhưng tôi không đồng ý từ đó anh M thay đổi thái độ với tôi: không cho vợ con sang chơi với tôi, khi các cháu, các em đến chơi thì chửi bới ném đá vào tường, có lần còn ném đá vào chân tôi và mắng nhiếc tôi là “Bà chết được rồi”, “Bà chết đi!”.

Giấy tờ nhà đất và sổ theo dõi phúng viếng của con trai T1 để trong tủ của tôi nhưng không có khoá nên không rõ anh M lấy lúc nào. Sau đó lại thấy anh M mang trả tôi sổ sách phúng viếng của T1 nhưng không trả bìa đỏ cho tôi. Do tôi già yếu, mắt rất kém và anh M hay ném đá vào sân nhà tôi nên tôi phải bảo các con cho về nhà anh con trai là Lưu Sỹ N ở từ tháng 2/2016.

Sau khi về ở nhà anh N tôi nhiều lần bảo anh N lên hỏi và lấy lại bìa đỏ cho tôi nhưng anh M trả lời là không cảm do vậy năm 2019 anh N lên UBND xã báo mất bìa đỏ và được hướng dẫn thủ tục cấp lại bìa đỏ. Khi tôi làm thủ tục thì anh M biết và báo với UBND xã là anh M đang cầm nên UBND không cấp bìa mới cho tôi nữa. Biết vậy nên gia đình tôi nhờ chính quyền địa phương lấy lại bìa đỏ từ phía anh M thì anh M lại đưa ra giấy cầm bìa đỏ giữa con trai tôi là Lưu Sỹ T1 với vợ chồng anh M để vay 10.000.000 đồng và tính lãi 10% từ tháng 9/2011 đến khi trả xong tiền và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về việc cầm bìa đỏ này tôi hoàn toàn không biết và cũng không có ai làm chứng là anh T1 đã cầm bìa đỏ cho anh M.

Anh M yêu cầu tôi phải trả tiền gốc và lãi từ đó đến nay theo đúng thỏa thuận thì mới trả lại bìa đỏ cho tôi. Nhưng theo tôi không có việc anh T1 cầm bìa đỏ cho anh M để vay 10.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu anh M phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 721317 cho tôi và không đồng ý với giấy nợ mà anh M đã đưa ra.

Phía bị đơn là anh Lưu Sỹ M trình bày: Bố tôi là Lưu Sỹ H mất năm 1990, mẹ là Nguyễn Thị P (tức T) sinh năm 1935. Bố mẹ tôi sinh được 6 người con là M, D, N, S, C (đã chết), T1 (đã chết).

Ngày 18/4/2011 em trai tôi là Lưu Sỹ T1 có mang bì đỏ của mẹ tôi là Nguyễn Thị P (tức T) có số bì AL 721317 mang cầm cho tôi và vợ tôi là Đỗ Thị K lấy 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để chữa bệnh HIV hẹn đến tháng 9/2011 thì trả và chú T1 tự nói với tôi là tính lãi 10%. Tôi không trao đổi với mẹ tôi về việc T1 cầm bì đỏ cho tôi vì tôi nghĩ rằng 2 mẹ con là T1 và mẹ tôi (bà P) đã thống nhất với nhau. Người viết giấy cầm bì đỏ là anh Lưu Sỹ Q (trưởng xóm) và cũng là cháu con anh họ tôi do chú T1 mời xuống. Sau khi chú Q viết giấy, vợ tôi là Đỗ Thị K đã giao tiền tại chỗ, lúc đó chú Q vẫn ở đó. Chữ ký tên người vay là chữ ký của chú T1. Ngoài những người có mặt khi vay, gia đình tôi không ai biết việc này. Anh T1 chết năm 2014, vẫn chưa trả tiền cho tôi dù tôi đã đòi rất nhiều lần. Nay bà P đòi bì đỏ tôi, tôi đề nghị ai muốn lấy bì đỏ thì trả tôi tiền và tính lãi theo thỏa thuận trên giấy là 10%. Toà án yêu cầu anh M nộp giấy cầm bì đỏ bản chính hiện anh đang giữ và nộp bản sao GCN QSD Đất AL 721317. Anh M xác định hiện nay đã giữ bản viết tay giấy cầm bì đỏ và bản chính GCN QSD đất nhưng anh M từ chối nộp các tài liệu này cho Toà án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị K nhất trí với lời khai của anh M:

Ông N trình bày: Bố tôi là Lưu Sỹ H mất năm 1989, mẹ là Nguyễn Thị P (tức T) sinh năm 1935. Bố mẹ tôi sinh được 6 người con. Tôi lấy vợ năm 1994 vợ là Trần Thị Gái, tới năm 1995 thì ra ở riêng, hai vợ chồng tôi tự mua đất xây nhà. Em trai tôi là Lưu Sỹ T1 sau khi học xong cấp 2 thì đi ra ngoài làm ăn, ban đầu là đi làm vàng tại các bãi vàng, khoảng năm 2007 khi gia đình giục lấy vợ nhiều lần thì em T1 nói thật là đã bị nhiễm HIV nên không lấy vợ. Năm 2009 thì em T1 về làm thuê bốc vác và giao hàng cho nhà ông Lý Bá Kim ở Xóm Công Đồng, xã Cổ Lũng, huyện P Lương và ở tại nhà chị gái tôi là Lưu Thị D. Em T1 làm việc có thu nhập, thỉnh thoảng tôi khó khăn em còn cho tôi vay tiền. T1 ở đó liên tục đến khi gần chết mới về nhà mẹ tôi (em T1 về được 02 ngày thì chết). Toàn bộ việc trông nom chăm sóc em T1 là do chị D đảm nhận.

Về N D liên quan đến việc mẹ tôi kiện anh M để đòi bì đỏ tôi biết những N D như sau:

Trước đây quan hệ trong gia đình các anh em rất đoàn kết không có mâu thuẫn gì. Vào ngày giỗ đầu của em T1 thì mẹ tôi là bà P có bàn bạc với các con rằng anh T1 không có vợ con nên bà sẽ bán suất ruộng của T1 là hơn 01 sào để lấy tiền gửi ngân hàng sau này mọi việc bốc mộ, giỗ của T1 sẽ lấy từ tiền đó ra chi phí, anh em không phải đóng góp. Chúng tôi thấy việc đó là hợp lý nên đồng ý và tôi là người mua lại suất ruộng đó với giá 12.000.000 đồng và đã giao đủ tiền cho mẹ tôi, hiện nay bà vẫn đang gửi tiết kiệm. Quan điểm của anh M là anh là con cả nên tất cả ruộng vườn của mẹ tôi phải là của anh M nên anh M gây sự với tôi vì để tránh mâu thuẫn trong anh em nên tôi nhất trí bán lại ruộng đã mua từ mẹ tôi cho con anh M.

Năm 2015, tôi tách ruộng nông nghiệp của tôi ra khỏi bì đỏ của mẹ tôi nên xuống mượn bì đỏ của mẹ tôi và được bà cho mượn, sau khi tách xong tôi đã trả lại cho mẹ tôi. Sau này mẹ tôi kêu mất bì đỏ anh em chúng tôi cũng đoán là anh M giữ

nhưng không có bằng chứng, mẹ tôi mất kém, giấy tờ để trong tủ không khoá. Anh M gây sự với tất cả các anh em ruột trong nhà, cắt điện, nước sinh hoạt bên nhà mẹ tôi để buộc mẹ tôi phải đi khỏi nhà mục đích để anh M chiếm nhà đất của mẹ tôi. Năm 2016 mẹ tôi ở một mình thường xuyên bị anh M chửi bới, ném đá vào sân nên đã về nhà tôi ở với vợ chồng tôi đến nay. Do không có bằng chứng anh M giữ bìa đỏ của mẹ tôi nên tôi báo mất bìa đỏ và làm thủ tục xin cấp lại bìa đỏ cho mẹ tôi thì lúc đó anh M nói là đang cầm bìa và mang giấy cầm bìa đỏ giữa em trai tôi là Lưu Sỹ T1 với vợ chồng anh M để vay 10.000.000 đồng và tính lãi 10% từ tháng 9/2011 và yêu cầu mẹ tôi trả tiền cả gốc và lãi thì mới trả bìa đỏ.

Tôi đã xem giấy cầm bìa đỏ anh M đưa ra và thấy chữ ký trên giấy không phải là chữ ký của em T1, thời điểm đó em T1 đi làm có thu nhập và nếu có vay thật thì tại sao anh M không báo cho mẹ tôi và anh em trong nhà biết. Trước khi chết em T1 vẫn rất tinh táo, gia đình, bạn bè của T1 đều có mặt ở đó, T1 còn nói chuyện được với từng người, nhưng anh M không hề nhắc đến việc T1 vay tiền và trước khi chết em T1 cũng không có vay nợ ai khoản tiền nào. Theo quan điểm của cá nhân tôi, việc làm này của anh M chỉ là lấy cớ làm mọi cách để chiếm nhà và đất của mẹ tôi bởi bà đã quá già yếu và các anh chị em đã có cuộc sống riêng, kinh tế ổn định.

Nay tôi được mẹ tôi uỷ quyền thay mặt mẹ tôi tham gia việc kiện tại Toà án thì tôi yêu cầu anh M trả lại bìa đỏ số AL 721317 cho mẹ tôi và không nhất trí với giấy cầm bìa đỏ mà anh M đưa ra.

Bà S: Nhất trí với lời khai của mẹ và anh N.

Bà D trình bày: Bố tôi là Lưu Sỹ H mất năm 1989, mẹ là Nguyễn Thị P (tức T) sinh năm 1935, bố mẹ tôi sinh được 6 người con.

Tôi lấy chồng năm 1985 và về nhà chồng ở Xóm C, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Năm 1989 anh trai tôi là Lưu Sỹ M ra ở riêng thì cuối năm bố tôi mất. Sau này em gái và các em trai tôi cũng lấy vợ, lấy chồng, còn lại em út là Lưu Sỹ T1 thì đi làm ăn xa nên mẹ tôi ở cạnh anh M nên vợ chồng anh M trông nom mẹ tôi, anh chị em trong nhà đoàn kết. Mẹ tôi do bị đục thủy tinh thể phải mổ nhưng đáy mắt hỏng nên mắt bà chỉ nhìn thấy mờ mờ từ khoảng năm 2000 tới nay. Việc mất đoàn kết trong gia đình chỉ xảy ra sau khi cho em T1 mất, nguyên nhân là do mẹ tôi có ý định chia số đất đai ruộng vườn còn lại của bà cho 02 con trai còn sống là M và N, việc này các con gái nhất trí không có tranh chấp gì nhưng anh M không nhất trí vì cho rằng anh là con trưởng và ở gần bà nên phải được hưởng toàn bộ số tài sản của bà. Khi mẹ tôi đứng ra bán suất đất ruộng của em T1 lấy tiền gửi tiết kiệm sau này lo việc cải táng, xây mộ, giỗ chạp anh em không phải đóng góp, vì không muốn mẹ bán cho người ngoài nên mà anh M thì không mua nên em N đã mua lại suất ruộng đó với giá 12.000.000 đồng (khoảng năm 2015). Từ đó mâu thuẫn giữa anh M và em N rất căng thẳng, khi mẹ tôi kêu mất bìa đỏ và em N đi làm lại bìa cho bà thì anh M lại đưa ra giấy cầm bìa đỏ giữa em trai tôi là Lưu Sỹ T1 với vợ chồng anh M để vay 10.000.000 đồng và tính lãi 10% từ tháng 9/2011 đến khi trả xong tiền và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay tôi đề nghị toà án làm rõ để giải nổi oan ức cho người đã chết là em T1 vì đến khi chết T1 cũng không vay nợ ai. Bản thân tôi không có yêu cầu được mẹ tôi chia tài sản, việc mẹ tôi cho ai là quyền của bà. Tôi thấy toàn bộ giấy tờ vay nợ là do anh M dựng lên để nhằm chiếm tài sản của bà, không muốn bà chia cho các con khác. Đồng thời tôi đề nghị Toà án buộc anh M trả lại bì đỏ số AL 721317 cho mẹ tôi và không nhất trí với giấy cầm bì đỏ mà anh M đưa ra.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc anh M phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 721317 cho bà P và không chấp nhận các yêu cầu của anh M.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 [Bộ luật tố tụng dân sự](#).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

\* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 05 tháng 10 năm 2020, bà Nguyễn Thị T (tức P) có đơn khởi kiện yêu cầu anh Lưu Sỹ M trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T (tức P) mà anh M đang lưu giữ, nên đây là vụ án “Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T (tức P) khởi kiện về việc tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với anh Lưu Sỹ M, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 14 của [Bộ luật dân sự năm 2015](#).

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Lưu Sỹ M cư trú tại xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tham gia phiên tòa của đương sự, tham gia tố tụng của đương sự: Đối với vợ chồng anh M và chị K, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh M và chị K.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất có diện tích 1920 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 18 tại xóm Dưới 1, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 721317 mang tên bà Nguyễn Thị P là của vợ chồng bà mua từ năm 1970, sau khi chồng bà là ông Lưu Sỹ H mất năm 1989 bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận mang tên bà như nêu trên. Như vậy bà T (tức P) là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên. Quá trình sử dụng bà T (tức P) làm thất lạc bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T (tức P) làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nhưng anh M ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Anh M thừa nhận hiện nay anh M đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 721317 và sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 2069 ngày 02/5/2008 của bà T (tức P).

Anh Lưu Sỹ M trình bày việc anh giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 721317 và sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 2069 ngày 02/5/2008 của bà T (tức P) là do anh Lưu Sỹ T1 mang đến cầm cố cho anh để vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) hạn đến tháng 9/2011 thì trả và tiền lãi là 10%. Xét việc anh M nhận tài sản thế chấp để vay tiền khi không có sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản là không đúng quy định của pháp luật; anh T1 nay đã chết, bản thân anh M từ chối giao nộp chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa; việc anh M khai báo chỉ là một phía không phù hợp với lời khai của bà P và các chị em ruột thịt trong gia đình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy, việc bà T (tức P) khởi kiện yêu cầu phải trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích diện tích 1920 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xóm Dưới 1, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 721317 và sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 2069 ngày 02/5/2008 mang tên bà Nguyễn Thị T (tức P) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T (tức P) đối với bị đơn anh Lưu Sỹ M về việc đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; [Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí (hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn). *Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14 của

Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (tức P) về việc “Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với bị đơn anh Lưu Sỹ M.

Buộc anh Lưu Sỹ M có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T (tức P) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích diện tích 1920 m2 thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 18 tại xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 721317 và sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 2069 ngày 02/5/2008 mang tên bà Nguyễn Thị T (tức P)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lưu Sỹ M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả anh Lưu Sỹ N 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp - biên lai số 0013538 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh M và chị K, có mặt các đương sự còn lại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt tại phiên toà; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt tại phiên toà./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà***

**Nguyễn Hồng Mây**